TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày: 11-05-2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Ông Phan Kiên Nhẫn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2021/TLST-DS, ngày 29/12/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS, ngày 28/03/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-DS, ngày 12/04/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp C, xã D, Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2021, có mặt)

- *Bị đơn*: 1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

(Bà Hoa là mẹ ruột ông Nguyễn Văn C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 6/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H có ông Lê Văn T làm đại diện trình bày:

Vào ngày 15/03/2021, bà H có cho bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn C, địa chỉ ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vay số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), lãi suất 2%/tháng, thời hạn 01 tháng để làm ăn (có làm biên nhận mượn tiền). Vì do quen biết tin tưởng nên bà H tiếp tục ngày 30/06/2021, bà H cho bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn C mượn thêm số tiền là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) với lãi suất 2%/tháng, thời hạn thỏa thuận là 01 tháng và có ghi biên nhận mượn tiền.

Tất cả 02 biên nhận mượn tiền đều là chữ viết của bà P, bà P là người trực tiếp nhận số tiền trên. Bà P có cam kết với bà H là sẽ trả tiền cho bà H đúng thời hạn quy định theo thỏa thuận, nhưng đến nay bà P, ông C vẫn chưa có hoàn trả lại số tiền mà bà H cho vay. Bà H có nhiều lần đến nhà bà P, ông C để đòi lại số tiền 190.000.000đ nhưng bà P, ông C không chịu trả cho bà H.

Nay bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 190.000.000đ và số tiền lãi là 9.794.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 199.794.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Nguyên trước đây do cần tiền để xoay vòng vốn nên bà có vay tiền của bà H. Bà vay tiền bà H nhiều lần, việc đóng lời lãi đầy đủ nên bà H rất tin tưởng, từ năm 2018 việc vay tiền có lập giấy tờ, nhưng bà H giữ hết, bà không có giữ, việc vay tiền lãi suất từ 10-15%/tháng, việc vay này ông C không biết, sau này biết ra ông C chửi và ly hôn bà đã có Quyết định ly hôn.

Từ năm 2018 đến nay bà vay bà H là 150.000.000đ, đã trả được 100.000.000đ chỉ còn thiếu 50.000.000đ. Khi vay tiền thì bà là người viết biên nhận, biên nhận vay 100.000.000đ viết ngày 15/03/2021 và biên nhận ngày 30/06/2021 là do bà viết ra. Do có người thiếu bà số tiền 25.000.000đ và có thế chấp Giấy CNQSDĐ của bà H nên bà chuyển qua nhận giấy và thiếu lại bà H là 25.000.000đ, tổng cộng là 75.000.000đ, bà H tính 15.000.000đ tiền lời, tổng cộng là 90.000.000đ, do dịch bệnh không có khả năng trả nên cộng lại và bà viết biên nhận là 90.000.000đ, ngày 30/06/2021, nên bà chỉ thiếu có 90.000.000đ. Do bà tin tưởng, đó giờ cũng mượn nên không có đòi lại giấy,

cũng không có kêu bà H viết biên nhận nhận số tiền 50.000.000đ, chỉ có bà H và bà không có ai chứng kiến hết việc vay và trả tiền. Qua yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà chỉ đồng ý trả 90.000.000đ theo biên nhận ngày 30/06/2021, xin trả dần chứ không có khả năng trả nợ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt nên không trình bày.*

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà không có chứng kiến việc vay tiền của bà P, ông C đối với bà H, khi nghe bà H đòi tiền thì chi P nói chỉ thiếu 50.000.000đ, nên bà và chị P là dâu của bà lên gặp bà H, khi đó P nói chỉ thiếu bà H 50.000.000đ, còn bà H nói thiếu 190.000.000đ, bà tính chị P thiếu 50.000.000đ thì bà trả cho bà H nhưng do bà H nói thiếu 190.000.000đ, hai bên không thống nhất nên không trả, bà và chị P đi về. Ngoài ra bà không biết gì khác.

- *Tại phiên tòa,* nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H có ông Lê Văn T làm đại diện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 190.000.000đ và số tiền lãi là 33.366.000đ, tổng cộng tổng cộng vốn và lãi là 223.366.000đ, trừ đi số tiền 4.000.000đ bà P đã đóng lãi, còn lại yêu cầu trả là 219.366.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Tại phiên tòa,* bị đơn bà Phạm Thị P trình bày, việc vay nợ trong lúc vợ chồng còn sống chung, vay tiền để chàng hụi lo cho gia đình, khi ông C biết bà thiếu nợ đã nộp đơn xin ly hôn với bà, nay bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 90.000.000đ theo biên nhận ngày 30/06/2021, xin trả dần chứ không có khả năng trả nợ, vì hiện tại chưa đi làm không có tiền để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn bà P có chấp hành pháp luật về tố tụng, riêng bị đơn ông C chưa chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 190.000.000đ và số tiền lãi là 29.366.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 219.366.000đ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay; bị đơn cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản* " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay và lãi là 219.366.000đ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác, bà P chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 90.000.000đ, xin trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là "*Biên nhận mượn tiền"* viết tay trên giấy tập học sinh, có chữ ký và tên của Phạm Thị P vào ngày 15/03/2021 và ngày 30/06/2021, bà P thừa nhận có vay tiền của H và bà P cũng thừa nhận 02 biên nhận ngày 15/03/2021 và ngày 30/06/2021 là chữ viết của bà, nên đây là trường hợp không cần chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà P cho rằng có trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn nhưng vì tin tưởng, trước đây có vay tiền nhiều lần, trả nợ đầy đủ, bà H cũng không nói gì, nên không lấy biên nhận. Xét thấy đây là lời trình bày của bà P, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà P cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ vay, tiền lãi, nhưng bà P không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ. Ngược lại nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H vẫn còn giữ biên nhận gốc và nộp cho Tòa án. Qua đó cho thấy bị đơn chưa trả số tiền gốc cho nguyên đơn, nếu bị đơn trả nợ thì biên nhận phải được trả cho bị đơn.

Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H cho bị đơn vay tiền, đây là khoản vay do bà P thực hiện nhưng đây là số tiền lớn, trong quá trình giải quyết vụ án bà P trình bày là bà trước đây có làm chủ hụi nhằm tạo ra thu nhập để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, để có tiền xoay sở, cần tiền chàng hụi nên vay tiền bà H; trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Văn C chưa có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù ông C, bà P ly hôn theo Quyết định số 13/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18/01/2022, bà P có trình bày khi biết nợ nên ông C nộp đơn ly hôn với bà là sau ngày vay tiền của nguyên đơn; do đó ông Nguyễn Văn C là chồng của bà P nhưng khi ly hôn chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên ông C phải có nghĩa vụ liên đới với bà P để trả số tiền vay cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về lãi suất tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu đối với bị đơn là 1.66%/tháng so với lãi suất trong hợp đồng vay và so với Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 về mức lãi suất do các bên thỏa thuận và thời gian tính lãi là có lợi cho bị đơn vì tính tròn đến tháng 04/2022, nên được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi như sau:

- Tiền vay [100.000.000đ x 12 tháng (15/04/2021 đến 15/04/2022) x 1.66%/tháng] = 19.920.000đ.

- Tiền vay [90.000.000đ x 9 tháng (30/07/2021 đến 30/04/2022) x 1.66%/tháng] = 13.446.000đ.

- Nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả lãi số tiền 4.000.000đ nên khấu trừ số tiền này, nên số tiền bị đơn còn phải trả là (223.366.000đ – 4.000.000đ) = 219.366.000đ.

Từ những phân tích căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P phải liên đới có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi là 219.366.000đ.

[2.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận cụ thể như sau: (219.366.000đ x 5%) = 10.968.300đ (làm tròn là 10.968.000đ).

[3]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 147, 227, 228, 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 280, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H.

[1]. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 219.366.000đ (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P phải liên đới chịu 10.968.000đ (*Mười triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H tiền tạm ứng án phí là 4.995.000đ (*Bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010398, ngày 20/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Văn C vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *Chi cục THADS huyện Tam Bình*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo